

Số: 26/2023/QĐST-DS

Tân Hiệp, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 169/2023/TLST - DS ngày 10 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Bích T**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị H với bị đơn bà Trần Thị Bích T thống nhất, phía cá nhân bà Trần Thị Bích T còn nợ bà Lê Thị H số tiền nợ tổng cộng là 105.864.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Hai bên thỏa thuận thời hạn và phương thức trả nợ như sau:

Lần 1: Vào ngày 25/9/2023 Dương lịch Bà Trần Thị Bích T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

Lần 2: Vào ngày 25/9/2024 Dương lịch Bà Trần Thị Bích T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

Lần 3: Vào ngày 25/9/2025 Dương lịch Bà Trần Thị Bích T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

Lần 4: Vào ngày 25/9/2026 Dương lịch Bà Trần Thị Bích T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

Lần 5: Vào ngày 25/9/2027 Dương lịch Bà Trần Thị Bích T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền 25.864.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) là dứt nợ.

Nếu đến hạn như cam kết trả nợ nêu trên mà bà Trần Thị Bích T vi phạm nghĩa vụ trả nợ một trong các lần thỏa thuận thì bà Lê Thị H có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án thi hành toàn bộ số nợ nêu trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí sơ thẩm: Các bên thống nhất án phí sơ thẩm giá ngạch của số tiền 105.864.000 đồng là $105.864.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.293.200 \text{ đồng}$. Do các bên đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên số tiền án phí sơ thẩm giá ngạch phải chịu là $50\% \times 5.293.200 \text{ đồng} = 2.646.600 \text{ đồng}$. Bà Lê Thị H và bà Trần Thị Bích T mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ của số tiền 2.646.600 đồng là 1.323.300 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1958 là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14. Do đó, bà Trần Thị Bích T được miễn số tiền án phí bà phải đóng là 1.323.300 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Bà Trần Thị Bích T tự nguyện nộp thay tiền án phí sơ thẩm cho bà Lê Thị H với số tiền 1.323.300 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn ba trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND cùng cấp
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT